

BẢN TIN THỊ TRƯỜNG CHĂN NUÔI

Điểm tin thị trường Heo hơi ngày 23/8/2021 13:59 23/08

A. THỊ TRƯỜNG THẾ GIỚI

- Thông báo chính thức từ 15 doanh nghiệp chăn nuôi heo lớn nhất tại Trung Quốc cho biết, các doanh nghiệp này đã bán được gần 8,4 con heo trong tháng 7/2021, tăng 1,3% so với tháng trước, đưa tổng lượng heo xuất bán trong 7 tháng đầu năm 2021 đạt gần 51,3 triệu con, nhiều hơn lũy kế cùng kỳ năm trước 88,6%. Trong tháng kể trên, lượng xuất bán của 4 doanh nghiệp: Muyuan, Zhengbang, Wen's và New Hope chiếm tới gần 80% thị phần với gần 6,7 triệu con heo. Nguồn cung heo từ các công ty lớn ra thị trường duy trì ở mức cao trong khi tiêu thụ yếu do Trung Quốc áp dụng giãn cách xã hội tại nhiều tỉnh phía Bắc nên giá heo Trung Quốc quay đầu giảm vào hôm nay, còn dưới 14,9 tệ/kg, tương đương 52.000 đồng/kg. Tại miền Nam Trung Quốc, giá cũng giảm nhẹ còn 15,8-16,4 tệ/kg, tương đương 56-58.000 đồng/kg.

B. THỊ TRƯỜNG NỘI ĐỊA

Giá heo hơi

- **Tại miền Bắc Việt Nam**, do Hà Nội tiếp tục giãn cách xã hội theo chỉ thị 16 tới ngày 6/9, cộng thêm một số tỉnh thành siết chặt việc vận chuyển khiến tiêu thụ thịt heo chậm nên giá heo vẫn duy trì quanh 53-55.000 đồng/kg, mức trên 55.000 đồng/kg khó bán cho dù heo biểu to từ miền Nam ra Bắc có xu hướng giảm.

- Mặc dù giá heo bán nguyên trại **tại miền Nam** giảm còn quanh 50.000 đồng/kg nhưng do heo bán đi thành phố giảm mạnh về lượng nên các thương lái cũng không loại được nhiều heo to để bán ra Bắc. Do đó, giá heo biểu to lên xe tại miền Nam có xu hướng nhích lại mức 47-48.000 đồng/kg.

- **Lưu chuyển heo từ miền Trung ra Bắc**: Thương lái cho biết do heo Nam đóng ra Bắc giảm nên nhu cầu đóng heo từ Nam miền Trung ra Bắc có xu hướng tăng, với giá biểu to lên xe quanh 49-50.000 đồng/kg tuy nhiên lượng đóng thận trọng do lực mua tại miền Bắc vẫn chậm.

- Việc TPHCM và một số huyện của Bình Dương yêu cầu người dân ai ở đâu ở yên đó và hạn chế đi lại khiến giao dịch heo tại một số khu vực gần như đóng băng.

- Heo từ miền Tây khó bán, cộng với biểu heo to hơn nên hôm nay giá heo dân giảm còn phổ biến dưới 50.000 đồng/kg, mức 52.000 đồng/kg vẫn còn nhưng áp dụng cho heo đẹp.

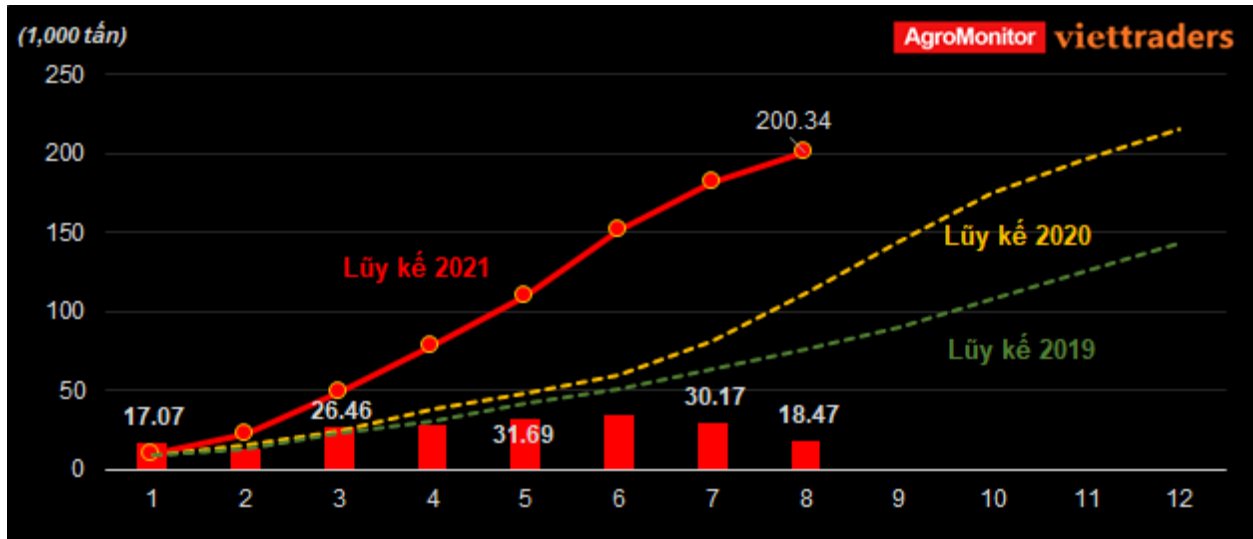
Giao dịch tại chợ đầu mối, lò mổ

- **Tại chợ Ngọc Lũ**, hôm nay lượng heo về chợ đạt quanh 2.000 con sau khi chợ rớt sâu vào tuần trước. Lượng heo về chợ giảm nên giá heo đầu được đẩy lên mức 58-59.000 đồng/kg nhưng hàng chân khó bán với giá chỉ 41-42.000 đồng/kg, phổ biến 52.000 đồng/kg.

Lượng thịt và phụ phẩm từ Heo nhập khẩu về Việt Nam tính đến ngày 17/8/2021 (nghìn tấn)
13:13 20/08

Diễn biến lượng thịt và phụ phẩm từ heo nhập khẩu về Việt Nam tính đến ngày 17/08/2021

[*\(xem chi tiết tại đây\)*](#)



Nguồn: AgroMonitor tổng hợp

Bảng giá Heo hơi và heo con ngày 23/8/2021 08:41 23/08

Bảng 1. Bảng giá heo hơi tại thị trường nội địa (VND/kg)

	Khu vực	23/08/2021	20/08/2021	Tuần trước
Heo công ty	Đồng Nai	50,500-56,500	51,500-56,500	51,500-56,500
	Miền Trung	49,500-56,000	49,500-56,000	52,000-56,000
	Miền Bắc	54,000-57,000	55,000-58,000	53,000-58,000
	Miền Tây	57,000	57,000	57,000
Heo dân	<i>Miền Bắc</i>			
	Thái Bình	53,000-56,000	53,000-56,000	54,000-57,000
	Bắc Giang	54,000-56,000	54,000-56,000	54,000-56,000
	Hà Nội	53,000-55,000	53,000-55,000	54,000-56,000
	<i>Miền Trung</i>			
	Nghệ An	53,000-55,000	53,000-55,000	53,000-55,000
	Bình Định	50,000-56,000	49,000-54,000	49,000-53,000
	Đắk Lắk	52,000-55,000	52,000-55,000	52,000-55,000
	<i>Miền Nam</i>			
	Đồng Nai	47,000-53,000	47,000-53,000	47,000-54,000
	Tiền Giang	46,000-51,000	49,000-52,000	49,000-52,000
	Bến Tre	45,000-50,000	48,000-51,000	48,000-51,000

Bảng 2. Bảng giá heo giống tại thị trường nội địa

Khu vực	Loại heo	23/08/2021	20/08/2021
Miền Nam	Heo CP – loại 20kg (VND/kg)	115.000-125.000	115.000-125.000
	Heo CP – loại xách tai 6-7 kg	1.700.000-1.800.000	1.700.000-1.800.000
	Heo dân – loại xách tai 7-9 kg	1.400.000-1.700.000	1.500.000-1.800.000
	Heo CP – loại 20kg (VND/kg)	130.000	130.000

Miền Bắc	Heo dân – loại xách tai 6-7 kg	1.400.000-1.700.000	1.400.000-1.700.000
	Heo công ty - loại xách tai 6-7 kg	1.650.000-1.750.000	1.650.000-1.750.000

(Ghi chú: Heo CP – loại 20kg đvt là VND/kg, các loại còn lại là VND/con)

Bảng giá thị trường Gia cầm ngày 23/8/2021 10:07 23/08

Gà trắng

Bảng 1. Bảng giá gà trắng bán tại trại (VND/kg)

	Khu vực	23/08/2021	20/08/2021	Tuần trước
Gà công ty	Miền Bắc	20.000-21.000	20.000-21.500	20.000-24.000
	Miền Nam	8.000-10.000	8.000-11.000	8.000-11.000
Gà trong dân	<i>Miền Bắc</i>			
	Thái Nguyên	19.500-20.500	19.500-20.500	19.500-23.500
	Vĩnh Phúc	20.000-21.000	20.000-21.000	20.000-24.000
	Hà Nội	20.000-21.000	20.000-21.000	20.000-24.000
	<i>Miền Nam</i>			
	Bình Dương	6.000-9.000	7.000-9.000	7.000-10.000
	Bình Phước	8.000-10.000	10.000-11.000	10.000-14.000

Gà màu

Bảng 2. Bảng giá gà màu bán ra tại trại (đồng/kg)

Khu vực	23/08/2021	20/08/2021	Tuần trước
Gà ta lai CP – miền Bắc	38.000	38.000	38.000-40.000
Gà ta lai CP – miền Nam	23.000	23.000	23.000-24.000
Gà màu Dabaco – miền Bắc (gà nuôi trên 4 tháng)	48.000-50.000	48.000-50.000	48.000-50.000
Gà màu Dabaco – miền Nam (gà nuôi trên 4 tháng)	39.000-40.000	39.000-40.000	39.000-40.000
Gà Minh Dư – miền Bắc (gà nuôi trên 4 tháng)	48.000-50.000	48.000-50.000	48.000-55.000
Gà Minh Dư – miền Nam (gà nuôi trên 4 tháng)	40.000-42.000	40.000-42.000	40.000-42.000

Vịt thịt

Bảng 3. Giá vịt bán ra tại trại (đồng/kg)

Vùng/miền	23/08/2021	20/08/2021	Tuần trước
Miền Bắc – Vịt Super	35.000-37.000	35.000-37.000	33.000-37.000
Miền Nam – Vịt Grimaud	30.000-33.000	33.000	26.000-34.000

Bảng giá Heo hơi tại Trung Quốc và Thái Lan ngày 23/8/2021 08:17 23/08

Tiêu thu bị gián đoạn bởi dịch Covid-19 khiến giá heo hơi vẫn tiếp tục xu hướng giảm.

Bảng 1. Bảng giá heo hơi tại một số vùng Trung Quốc

Khu vực	Tệ/kg	Biến động giá				VND/kg
		1 ngày	1 tuần	1 tháng	1 năm	
Quảng Đông	16,41	▼0,02	▼0,20	▼0,92	▼23,45	57.600
Quảng Tây	15,80	▼0,02	▼0,34	▼1,26	▼23,86	55.500
Vân Nam	13,61	▼0,13	▼0,43	▼1,64	▼24,54	47.800
Phúc Kiến	16,07	▲0,05	▼0,24	▼1,05	▼23,51	56.400
Tứ Xuyên	14,54	▼0,01	▼0,20	▼0,86	▼25,15	51.000
Liêu Ninh	13,88	▼0,25	▼0,26	▼1,30	▼21,64	48.700
Hà Bắc	14,69	▼0,05	▼0,37	▼1,49	▼21,36	51.600
Sơn Đông	15,10	▼0,21	▼0,50	▼1,29	▼21,04	53.000
Giá trung bình cả nước	14,88	▼0,05	▼0,29	▼1,29	▼22,41	52.200

Giá heo Thái Lan vẫn chưa có nhiều chuyển biến tích cực do tiêu thu heo vẫn bị ảnh hưởng bởi làn sóng lây lan của dịch Covid-19.

Bảng 2. Bảng giá heo hơi tại một số trang trại Thái Lan

Khu vực	Baht/kg	Biến động giá				VND/kg
		1 ngày	1 tuần	1 tháng	1 năm	
Miền Bắc	68,00	—0,00	▼0,50	▼2,50	-	47,400
Vùng Đông Bắc	71,00	—0,00	—0,00	▼4,00	-	49,500
Miền Trung	62,00	—0,00	▼1,25	▼2,25	▼18,00	43,200
Miền Đông	76,00	—0,00	—0,00	—0,00	▼4,00	53,000
Miền Tây	68,00	—0,00	—0,00	—0,00	-	47,400
Miền Nam	71,00	—0,00	—0,00	▼2,00	-	49,500
Giá trung bình cả nước	69,33	—0,00	▼0,29	▼1,79	▼10,67	48,300

Thị trường Gia súc thế giới ngày 23/8/2021

08:31 23/08/2021

TÓM TẮT THÔNG TIN THỊ TRƯỜNG GIA SÚC THẾ GIỚI NGÀY 23/08/2021

Thị trường Heo	<p>▶ Tại Trung Quốc</p> <ul style="list-style-type: none">- Giá heo bình quân giảm nhẹ xuống 14,88 tệ/kg (▼0,05 tệ/kg);- Giá heo tỉnh Quảng Tây giữ ở mức 15,80 tệ/kg (▼0,02 tệ/kg); <p>- Trong tháng 7/2021, lượng heo Muyuan, Zhengbang, Wen's và New Hope cung ứng cho thị trường chiếm tới gần 80% tổng lượng của các doanh nghiệp xuất bán trong tháng với gần 6,7 triệu con heo.</p> <p>▶ Tại Thái Lan</p> <ul style="list-style-type: none">- Giá heo hơi dao động phổ biến 68-76 Baht/kg (—0,00 baht/kg);- Giá heo con hiện vẫn ở mức thấp nhất trong vòng 1 năm;- Lượng heo xuất khẩu trong tuần kết thúc 21/08 vẫn tương đương so với tuần trước đó, chỉ khoảng 1.500 con/ngày sang Campuchia và Trung Quốc.
-----------------------	---

A. THỊ TRƯỜNG HEO

DIỄN BIẾN GIÁ

▶ **Tại Trung Quốc**

Nguồn cung heo từ các công ty lớn ra thị trường duy trì ở mức cao trong khi tiêu thụ yếu khiến giá heo hơi vẫn tiếp tục xu hướng giảm.

- Thông báo chính thức từ 15 doanh nghiệp chăn nuôi heo lớn nhất tại Trung Quốc cho biết, các doanh nghiệp này đã bán được gần 8,4 con heo trong tháng 7/2021, tăng 1,3% so với tháng trước, đưa tổng lượng heo xuất bán trong 7 tháng đầu năm 2021 đạt gần 51,3 triệu con, nhiều hơn lũy kế cùng kỳ năm trước 88,6%. Trong tháng kể trên, lượng xuất bán của 4 doanh nghiệp: Muyuan, Zhengbang, Wen's và New Hope chiếm tới gần 80% thị phần với gần 6,7 triệu con heo. Nguồn cung heo từ các công ty lớn ra thị trường duy trì ở mức cao trong khi tiêu thụ yếu do Trung Quốc áp dụng giãn cách xã hội tại nhiều tỉnh phía Bắc nên giá heo Trung Quốc quay đầu giảm vào hôm nay, còn dưới 14,9 tệ/kg, tương đương 52.000 đồng/kg. Tại miền Nam Trung Quốc, giá cũng giảm nhẹ còn 15,8-16,4 tệ/kg, tương đương 56-58.000 đồng/kg.

Bảng 1. Bảng giá heo hơi tại một số vùng Trung Quốc

Khu vực	Tệ/kg	Biến động giá				Quy đổi VND/kg
		1 ngày	1 tuần	1 tháng	1 năm	
Quảng Đông	16,41	▼0,02	▼0,20	▼0,92	▼23,45	57.600
Quảng Tây	15,80	▼0,02	▼0,34	▼1,26	▼23,86	55.500
Vân Nam	13,61	▼0,13	▼0,43	▼1,64	▼24,54	47.800
Phúc Kiến	16,07	▲0,05	▼0,24	▼1,05	▼23,51	56.400
Tứ Xuyên	14,54	▼0,01	▼0,20	▼0,86	▼25,15	51.000
Liêu Ninh	13,88	▼0,25	▼0,26	▼1,30	▼21,64	48.700
Hà Bắc	14,69	▼0,05	▼0,37	▼1,49	▼21,36	51.600
Sơn Đông	15,10	▼0,21	▼0,50	▼1,29	▼21,04	53.000
Giá trung bình cả nước	14,88	▼0,05	▼0,29	▼1,29	▼22,41	52.200

Hình 1. Diễn biến giá heo hơi tại Trung Quốc, 22/08/2020 – 22/08/2021 (VND/kg)



Nguồn: AgroMonitor tổng hợp

Tại sàn giao dịch Đại Liên, chịu áp lực từ việc giá heo hơi giao ngay tiếp tục neo ở vùng thấp, giá heo hơi các kỳ hạn trong tuần đều có xu hướng giảm, trong đó mức giảm mạnh nhất ghi nhận tại kỳ hạn tháng 9/2021 với

giá chốt phiên ngày 19/08 đạt 15,7 tề/kg, tương đương 55.000 đồng/kg, giảm khoảng 5.000 đồng/kg so với tuần trước.

Bảng 2. Bảng giá heo hơi các kỳ hạn giao dịch tại sàn Đại Liên trong tuần

Kỳ hạn	16/08	17/08	18/08	19/08	20/08	Bình quân tuần		
						Tề/kg	So với tuần trước	VND/kg
Tháng 9/2021	16,49	16,09	16,09	15,70	15,85	16,04	▼1,10	56.400
Tháng 11/2021	16,73	16,66	16,49	16,01	16,20	16,42	▼0,73	57.700
Tháng 1/2022	18,20	18,04	17,87	17,40	17,69	17,84	▼0,50	62.800
Tháng 3/2022	17,10	16,98	16,84	16,39	16,40	16,74	▼0,43	58.900
Tháng 5/2022	17,61	17,57	17,40	16,85	16,82	17,25	▼0,38	60.700
Tháng 7/2022	17,20	17,23	17,17	16,95	16,91	17,09	▼0,15	60.100

Giá heo con Trung Quốc tiếp tục xu hướng giảm, vẫn dao động quanh 27 tề/kg, tương đương quanh 95.000 đồng/kg/

Bảng 3. Bảng giá giao dịch heo con tại Trung Quốc (tề/kg)

Khu vực	22/08	Cập nhật 21/08	Biến động giá				Quy đổi VND/kg
			1 ngày	1 tuần	1 tháng	1 năm	
Vùng Đông Bắc	22,91	22,91	—0,00	▼2.46	▼5.65	▼79.79	80.400
Miền Bắc	25,36	25,36	—0,00	▼2.35	▼5.61	▼81.05	89.000
Miền Đông	28,70	28,70	—0,00	▼1.28	▼4.53	▼80.37	100.700
Miền Trung	27,14	27,14	—0,00	▼1.36	▼4.63	▼84.82	95.300
Miền Nam	31,93	31,93	—0,00	▼1.56	▼4.85	▼81.10	112.100
Vùng Tây Nam	28,55	28,55	—0,00	▼1.68	▼4.89	▼81.61	100.200
Vùng Tây Bắc	26,40	26,40	—0,00	▼1.79	▼4.88	▼79.79	92.700
Giá trung bình cả nước	27,11	27,11	—0,00	▼1.78	▼5.00	▼81.30	95.200

► Tại Thái Lan

Giá heo Thái Lan vẫn chưa có nhiều chuyển biến tích cực do tiêu thụ heo vẫn bị ảnh hưởng bởi làn sóng lây lan của dịch Covid-19.

- Trong cuộc họp hàng tuần của Hiệp hội Chăn nuôi Thái Lan, các thành viên hiệp hội cho biết tiêu thụ thịt heo vẫn chưa có nhiều cải thiện trong bối cảnh dịch Covid-19 vẫn đang có diễn biến phức tạp, tuy nhiên nhiều cơ sở giết mổ được các cơ quan y tế khuyến nghị giảm công suất hoạt động để hạn chế nguy cơ lây lan dịch bệnh, có thể mức thu mua heo cho các lò mổ sẽ yếu hơn vào đầu tuần này. Về giá giao dịch, hiệp hội cho biết có thể sẽ điều chỉnh tăng mức giá thu mua tại trại đối với cả heo hơi và heo con nhằm giảm áp lực chi phí đối với người chăn nuôi, thông báo chính thức về mức giá sàn thu mua hàng tuần của hiệp hội sẽ được đưa ra trong ngày hôm nay.

Bảng 4. Bảng giá heo hơi tại một số trang trại Thái Lan

Khu vực	Baht/kg	Biến động giá				Quy đổi VND/kg
		1 ngày	1 tuần	1 tháng	1 năm	
Miền Bắc	68,00	—0,00	▼0,50	▼2,50	-	47,400
Vùng Đông Bắc	71,00	—0,00	—0,00	▼4,00	-	49,500
Miền Trung	62,00	—0,00	▼1,25	▼2,25	▼18,00	43,200
Miền Đông	76,00	—0,00	—0,00	—0,00	▼4,00	53,000
Miền Tây	68,00	—0,00	—0,00	—0,00	-	47,400
Miền Nam	71,00	—0,00	—0,00	▼2,00	-	49,500
Giá trung bình cả nước	69,33	—0,00	▼0,29	▼1,79	▼10,67	48,300

Hình 2. Diễn biến giá heo hơi tại Thái Lan, 22/08/2020 – 22/08/2021 (VND/kg)



Nguồn: AgroMonitor tổng hợp

Heo con Thái Lan vẫn có giá quanh 1,2 triệu đồng/con biểu 6kg, là mức thấp nhất trong vòng 1 năm.

Bảng 5. Bảng giá giao dịch heo con tại Thái Lan (Baht/con ~ VND/con)

Biểu heo	Baht/con	Biến động giá				Quy đổi VND/con
		1 ngày	1 tuần	1 tháng	1 năm	
CP - 6kg/con	1.700	—0,00	▼100	▼600	▼800	1.185.000
CP -16kg/con	2.000 (+/- 68)	—0,00	▼100	▼600	▼800	1.325.000
Heo dân – 12kg/con	1.900	—0,00	▼100	▼600	▼800	1.394.000

CHUYỂN ĐỘNG THỊ TRƯỜNG

Dịch bệnh – Thiên tai

Kể từ 18/08 tới nay, trên thế giới chưa có thêm ổ dịch tả heo châu Phi mới được công bố.

Bảng 6. Thống kê dịch tả heo châu Phi (ASF) trên thế giới trong năm 2021

Ngày	Thông tin về ổ dịch mới nhất	Số trường hợp ghi nhận			Số quốc gia
		Heo nuôi	Heo rừng	Tổng	
02/08/2021	- Cộng hòa Dominica cho biết dịch tả châu Phi tiếp tục lan rộng và đã xuất hiện tại 11/32 tỉnh thành tại nước này.	1007	3333	4340	19
08/08/2021	- Sau 3 tháng, Hàn Quốc đã ghi nhận dịch tả châu Phi bùng phát trở lại tại một trang trại gồm 2.400 con heo.	1008	3333	4341	19
18/08/2021	- Cộng hòa Bulgaria (châu Âu) công bố dịch tả châu Phi bùng phát tại một trang trại lên tới 13.000 con heo.	1009	3333	4342	20

Sản xuất – Tiêu thụ

► Tại Trung Quốc

Thông báo chính thức từ 15 doanh nghiệp chăn nuôi heo lớn nhất cho biết, gần 8,4 triệu con heo đã được xuất bán.

Bảng 3. Thống kê lượng heo hơi xuất bán của 15 doanh nghiệp chăn nuôi heo lớn nhất Trung Quốc

15家上市猪企2021年7月生猪销售情况															
企业名称	生猪销量 (万头)	环比	同比	生猪收入 (亿元)	环比	同比	商品猪均价 (元/公斤)	环比	同比	单头销售均价 (元/头)	环比	同比	单头销售均重 (公斤/头)	环比	同比
牧原股份	301.10	-13.35%	65.80%	52.07	-8.76%	-13.26%	15.04	10.75%	-57.31%	1729	5.30%	-47.69%	115	-4.92%	22.54%
正邦科技	175.11	10.46%	92.03%	33.02	8.25%	5.51%	14.08	3.11%	-61.55%	1886	-1.99%	-45.05%	137	-4.33%	8.66%
温氏股份	127.85	26.46%	73.10%	22.66	28.68%	-32.84%	15.08	6.20%	-59.70%	1772	1.75%	-65.02%	118	-4.18%	-13.19%
新希望	63.48	-1.78%	17.14%	11.24	3.59%	-39.70%	15.48	6.46%	-57.40%	1771	5.47%	-48.52%	114	-0.93%	20.84%
大北农	46.02	61.81%	202.37%	8.29	67.81%	29.13%	15.14	10.75%	-58.61%	1801	3.71%	-57.29%	131	-3.92%	0.18%
中粮	35.40	32.58%	-	-	-	-	15.53	6.59%	-	-	-	-	-	-	-
天邦股份	28.39	-11.13%	19.24%	5.60	2.67%	-30.06%	15.47	10.34%	-56.61%	1973	15.51%	-41.34%	137	13.18%	165.14%
傲农生物	25.27	12.92%	149.09%	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
天康生物	12.45	-1.66%	50.18%	1.95	-14.47%	-20.08%	13.70	-0.65%	-57.43%	1566	-13.03%	-46.79%	141	-2.29%	15.91%
唐人神	8.70	-44.70%	6.00%	1.65	-13.30%	-28.40%	-	-	-	1894	56.67%	-32.45%	-	-	-
金新农	5.83	-23.89%	38.03%	0.83	-41.23%	-39.39%	15.09	0.60%	-59.02%	1421	-22.68%	-56.02%	122	1.23%	15.55%
龙大肉食	3.58	62.73%	2.29%	0.78	69.57%	-37.10%	16.13	5.01%	-63.83%	2179	4.20%	-38.50%	135	-0.77%	70.00%
罗牛山	2.62	-23.91%	61.94%	0.51	0.48%	-23.09%	-	-	-	1937	32.31%	-52.45%	-	-	-
东瑞股份	2.38	-5.56%	-	0.53	-7.02%	-	15.45	4.04%	-	2227	-1.55%	-	92	-	-
正虹科技	0.99	-63.84%	207.14%	0.18	-73.49%	104.07%	-	-	-	1840	-26.63%	-50.10%	-	-	-
合计	839.17	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-

Nguồn: Mạng lưới Thông tin Chăn nuôi heo Trung Quốc

Thương mại

▶ Tại Thái Lan

Trong tuần thứ 3 của tháng 8, lượng heo Thái Lan xuất khẩu sang các thị trường vẫn tương đương so với tuần trước đó với trung bình 1.000-1.200 con heo thịt đưa sang Campuchia mỗi ngày.

Bảng 7. Tiến độ xuất khẩu heo sống của Thái Lan (con/ngày)

Thị trường	Tuần kết thúc 14/08	Tuần kết thúc 21/08	Thay đổi	Ghi chú
Campuchia	1.000-1.200	1.000-1.200	-	Toàn bộ là heo thịt
Lào	-	-	-	
Trung Quốc	300	300	-	Toàn bộ là heo nuôi
Myanmar	-	-	-	
Việt Nam	-	-	-	

B. THÔNG TIN KINH TẾ KHÁC

Bảng 8. Tỷ giá một số đồng tiền chính ngày 23/08/2021

Mã ngoại tệ/ Quốc gia	So với USD			So với VND		
	Loại tỷ giá	Tỷ giá	Thay đổi (%)	Loại tỷ giá	Tỷ giá	Thay đổi (%)
AUD (Úc)	AUD/USD	0,714	—0,00	AUD/VND*	16.580	—0,00
BRL (Brazil)	BRL/USD	0,186	—0,00	-	-	—0,00
CAD (Canada)	CAD/USD	0,780	—0,00	CAD/VND*	18.084	—0,00
CNY (Trung Quốc)	CNY/USD	0,154	—0,00	CNY/VND	3.511	—0,00
EUR (Châu Âu)	EUR/USD	1,170	—0,00	EUR/VND*	27.339	—0,00
THB (Thái Lan)	THB/USD	0,030	—0,00	THB/VND*	697	—0,00
USD (Mỹ)	-	-	-	USD/VND*	22.915	—0,00

Ghi chú: * giá bán ra của Vietcombank

CÁC DIỄN BIẾN CHÍNH CỦA THỊ TRƯỜNG GIA CÀM NGÀY 23/08/2021

▶ <u>Gà trắng</u>	Tại miền Bắc: 20.000-21.000 đồng/kg Hà Nội chính thức tiếp tục giãn cách xã hội đến ngày 6/9 khiến tiêu thụ gà trắng khó phục hồi trong thời gian tới.	Lưu chuyển gà Bắc-Nam: - Giá gà trắng trong Nam tiếp tục giảm
-------------------	--	---

	Tại miền Nam: 6.000-10.000 đồng/kg Tiêu thụ gà những ngày cuối tuần trước khá tốt khi dân có xu hướng mua tích trữ trước yêu cầu “ai ở đâu ở yên đó”. Sang tuần này, tiêu thụ giảm mạnh kéo giá gà giảm theo.	kiến cánh thương lái lai rai gom gà trong Nam ra Bắc tiêu thụ lại, ước tính khoảng 10-15.000 con/ngày.
▶ <u>Gà ta lai</u>	Tại miền Bắc: 38.000 đồng/kg Tại miền Nam: 23.000 đồng/kg Nhu cầu tiêu thụ tại miền Bắc sau ngày rằm tháng 7 giảm mạnh khiến giá chững lại. Lượng gà trong Nam đóng ra Bắc vẫn khá nhiều, khoảng 25-30.000 con/ngày	
▶ <u>Tình hình đi Cam</u>	Dịch bệnh tại Tây Ninh được kiểm soát tốt hơn giúp vận chuyển thuận lợi hơn. Theo đó, lượng gà đi Cam tăng tốt, đạt khoảng 20.000 con/ngày với gà trắng và 25.000 con/ngày với gà màu.	

Gà trắng

Diễn biến gà trắng thịt

- Tại miền Bắc, giá gà các công ty và trại dân đi ngang mức 20-21.000 đồng/kg, tiêu thụ gà sau rằm tháng 7 có phần yếu hơn. Hà Nội chính thức tiếp tục giãn cách xã hội đến ngày 6/9 khiến tiêu thụ gà trắng khó phục hồi trong thời gian tới, tuy nhiên do nguồn cung nội vùng đang có chiều hướng vẫn lại hỗ trợ giá chưa giảm thêm.

- Tại miền Nam, việc tiêu thụ gà những ngày cuối tuần trước khá tốt khi dân có xu hướng mua tích trữ trước yêu cầu “ai ở đâu ở yên đó”. Sang đầu tuần này, giá gà tại công ty lớn linh xình giảm nhẹ, còn 8-10.000 đồng/kg, giá tại trại dân cũng giảm về quanh mức 6-10.000 đồng/kg, tùy biểu tùy vùng. Dự kiến, giá gà trắng có khả năng sẽ giảm thêm do lượng gà tồn đang tăng cao.

- Dịch bệnh tại khu vực Tây Ninh được kiểm soát tốt hơn, số ca nhiễm có chiều hướng giảm lại. Việc tổng xét nghiệm Covid 19 trên diện rộng cơ bản được hoàn thành giúp vận chuyển thuận lợi hơn. Theo đó, lượng gà trắng gom đi Cam tăng tốt, ước tính khoảng 20.000 con/ngày.

- Lưu chuyển gà Bắc-Nam: gà quá lứa trong Đồng Nai giảm về ngưỡng 6.000 đồng/kg khiến cánh thương lái tiếp tục gom gà trong Nam ra Bắc tiêu thụ nhưng do siết chặt kiểm soát đi lại khiến lượng gà đưa ra lai rai chỉ khoảng 10-15.000 con/ngày.

Bảng 1. Bảng giá gà trắng bán tại trại (VND/kg)

	Khu vực	23/08/2021	20/08/2021	Tuần trước
Gà công ty	Miền Bắc	20.000-21.000	20.000-21.500	20.000-24.000

	Miền Nam	8.000-10.000	8.000-11.000	8.000-11.000
Gà trong dân	<i>Miền Bắc</i>			
	Thái Nguyên	19.500-20.500	19.500-20.500	19.500-23.500
	Vĩnh Phúc	20.000-21.000	20.000-21.000	20.000-24.000
	Hà Nội	20.000-21.000	20.000-21.000	20.000-24.000
	<i>Miền Nam</i>			
	Bình Dương	6.000-9.000	7.000-9.000	7.000-10.000
	Bình Phước	8.000-10.000	10.000-11.000	10.000-14.000

Ước tính lượng gà trắng đi Cam và gà lưu chuyển hai miền Bắc Nam (con/ngày)

Ngày	Gà đi Cam	Gà đi Bắc
17/8	15,000	15,000
18/8	15,000	15,000
19/8	13,000	6,000
20/8	13,000	-
23/8	20,000	13,000

Diễn biến gà trắng giống

- Tại miền Bắc, giá gà giống ăn cám công ty ổn định quanh mức 8.000 đồng/con (trên hóa đơn), giao dịch thực tế được 7.000 đồng/con. Trong khi đó, giá gà giống bán ngoài điều chỉnh giảm lại còn 5-6.000 đồng/con do giá giống trong Nam đóng ra khá rẻ khiến nhu cầu thu mua nội vùng giảm.

- Tại miền Nam, giá giống ăn cám công ty và bán ngoài đồng loạt giảm còn 2-3.000 đồng/con do nguồn cung dư thừa, nhiều trại tạm nghỉ do tình hình dịch Covid 19 phức tạp hơn. Theo đó, giá giống ăn cám công ty Nam bán ra Bắc cũng giảm lại còn 5-6.000 đồng/con.

Bảng 2. Bảng giá gà trắng giống DOC (đồng/con)

Vùng/miền	Loại con giống	23/08/2021	20/08/2021
DOC- miền Bắc	Bán ngoài	5.000-6.000	7.000-8.000
	Ăn cám công ty	7.000	7.000
DOC-miền Nam	Bán ngoài	2.000-3.000	2.000-3.000
	Ăn cám công ty	2.000-3.000	5.000
Nam bán ra Bắc	Bán ngoài	5.000	5.000
	Ăn cám công ty	5.000-6.000	7.000

Bảng 3. Bảng giá trứng gà tại thị trường nội địa (đồng/quả)

Khu vực	Loại trứng	23/08/2021	20/08/2021
Miền Bắc (trứng gà CP)	Mix03(>=21.3kg)	1950	2050
	Mix04(>=20.3kg)	1850	1950
	Mix05(>=19.3kg)	1650	1750
Miền Nam	Loại 23.5kg	2200	2200
	Loại 22.5kg	2100	2100

(trứng gà Vĩnh Thành Đạt)	Loại 21.5kg	2000	2000
	Loại 20.5kg	1950	1950
	Loại 19.5kg	1900	1900

Gà màu

- Với giao dịch gà màu, giá gà ta lai CP tại 2 miền Bắc và miền Nam đồng loạt chững lại lần lượt quanh mức 38.000 đồng/kg và 23.000 đồng/kg. Gà màu trong Nam vẫn được gom đều ra Bắc và đi Cam tiêu thụ, tổng lượng đi ước tính khoảng hơn 50.000 con/ngày.

Bảng 4. Bảng giá gà màu bán ra tại trại (đồng/kg)

Khu vực	23/08/2021	20/08/2021	Tuần trước
Gà ta lai CP – miền Bắc	38.000	38.000	38.000-40.000
Gà ta lai CP – miền Nam	23.000	23.000	23.000-24.000
Gà màu Dabaco – miền Bắc – gà nuôi trên 4 tháng	48.000-50.000	48.000-50.000	48.000-50.000
Gà màu Dabaco – miền Nam- gà nuôi trên 4 tháng	39.000-40.000	39.000-40.000	39.000-40.000
Gà Minh Dur – miền Bắc – gà nuôi trên 4 tháng	48.000-50.000	48.000-50.000	48.000-55.000
Gà Minh Dur – miền Nam – gà nuôi trên 4 tháng	40.000-42.000	40.000-42.000	40.000-42.000

Bảng 5. Bảng giá gà màu giống DOC miền Bắc (đồng/con)

Vùng/miền	23/08/2021	20/08/2021
DOC- Dabaco, Hòa Phát	8.000	8.000
DOC-Minh Dur	8.000-10.000	8.000-10.000
DOC- Lai chọi Lại Vượng	8.000	8.000
DOC- Tiến Đạt	10.000	10.000
DOC- Lai mía	10.000	10.000
DOC- Lai Hồ	10.000-11.000	10.000-11.000

Bảng 6. Bảng giá gà màu giống DOC miền Nam (đồng/con)

Vùng/miền	23/08/2021	20/08/2021
DOC- Gà thả vườn Bến Tre	7.000-8.000	7.000-8.000
DOC-Minh Dur	7.000-8.000	7.000-8.000
DOC- Gà ta lai	5.000-7.000	5.000-7.000

Vịt thịt

- Tại Thường Tín, giá vịt bán tại trại chững lại mức 34-35.000 đồng/kg, tiêu thụ ảm đạm. Tại Bắc Giang, Thái Nguyên, giá vịt bán được cao hơn, dao động phổ biến 36-37.000 đồng/kg. Đối với vịt giống, tuy lực tái đàn của

các hộ chăn nuôi giảm mạnh nhưng thời tiết nắng nóng khiến việc ấp nở khó hơn hỗ trợ giá giống super ổn định 14-15.000 đồng/con. Trong khi đó, giá giống bầu cánh trắng tiếp tục tăng tốt lên 9-9.500 đồng/con.

- Tại miền Nam, từ ngày 23/8, áp dụng làm việc “3 tại chỗ”, kiểm soát việc đi lại chặt hơn khiến giao dịch gia cầm chậm hơn nên dù nguồn cung vịt không có nhiều nhưng giá vịt tại một số nơi tiếp tục giảm còn 30-33.000 đồng/kg.

Bảng 7. Giá vịt thịt bán ra tại trại (đồng/kg)

Vùng/miền	23/08/2021	20/08/2021	Tuần trước
Miền Bắc – Vịt Super	35.000-37.000	35.000-37.000	33.000-37.000
Miền Nam – Vịt Grimaud	30.000-33.000	33.000	26.000-34.000

Bảng 8. Bảng giá vịt giống DOC (đồng/con)

Khu vực	Vùng/miền	23/08/2021	20/08/2021
Miền Bắc	DOC- Vịt Super	14.000-15.000	14.000-15.000
	DOC- Vịt Grimaud	14.000-15.000	14.000-15.000
	DOC- Vịt bầu cánh trắng	9.000-9.500	7.500-8.000
Miền Nam	DOC- Vịt Grimaud	6.000-7.000	6.000-7.000

Giao dịch gà tại các chợ đầu mối lớn

- Tại chợ đầu mối Hà Vỹ, trước thông tin Hà Nội tiếp tục giãn cách đến ngày 6/9 khiến tiêu thụ gà tại chợ có chiều hướng yếu hơn. Lượng gà trắng đổ về chợ hôm nay giảm lại, còn khoảng dưới 2.500 con. Giá gà nhập về chợ (mua xô) có chiều hướng giảm nhẹ, phổ biến mức 24.000 đồng/kg. Theo đó, giá gà mái bán ra đang ở mức thua lỗ, đạt khoảng 23.000 đồng/kg do chất lượng gà bị hao hụt nhiều sau khi làm thịt, giá gà trống bán ra nhỉnh hơn, đạt mức 27-28.000 đồng/kg.

- Với giao dịch gà màu, lượng gà màu đưa về chợ trong ngày qua và hôm nay giảm còn 6.000 con do tiêu thụ sau ngày rằm tháng 7 yếu hơn.

Bảng 9. Bảng giá gà mua vào và bán ra tại chợ đầu mối Hà Vỹ (đồng/kg)

Loại gà	Giao dịch	23/08/2021	20/08/2021
Gà trắng	Mua vào	24.000	24.000-25.000
	Bán ra	23.000-28.000	26.000-28.000
Gà màu Dabaco	Mua vào	48.000-50.000	48.000-50.000
	Bán ra	55.000-57.000	55.000-57.000
Gà Japfa	Mua vào	48.000-49.000	48.000-49.000
	Bán ra	54.000-55.000	54.000-55.000

Thị trường Gia súc nội địa ngày 23/8/2021

14:35 23/08/2021

TÓM TẮT THÔNG TIN THỊ TRƯỜNG GIA SÚC NGÀY 23/08/2021			
Giá heo hơi nội địa	<input type="checkbox"/> <u>Miền Bắc</u>	53.000-55.000 đồng/kg, mức > 55.000 đồng/kg khó bán <i>Hà Nội tiếp tục giãn cách xã hội theo chỉ thị 16 tới ngày 6/9</i>	Lưu chuyển heo Bắc-Trung-Nam: - Lượng heo bán đi thành phố giảm mạnh nên heo biểu to loại ra để bán ra Bắc cũng ít lại. Do đó, giá heo biểu to lên xe tại miền Nam nhích lại mức 47-48.000 đồng/kg. - Nhu cầu đóng heo từ Nam miền Trung ra Bắc có xu hướng tăng, với giá biểu to lên xe quanh 49-50.000 đồng/kg tuy nhiên lượng đóng thận trọng do lực mua tại miền Bắc vẫn chậm.
	<input type="checkbox"/> <u>Miền Trung</u>	49.500-55.000 đồng/kg	
	<input type="checkbox"/> <u>Miền Nam</u>	Miền Đông: Giá bán nguyên trại giảm còn quanh 50.000 đồng/kg Miền Tây: Phổ biến < 50.000 đồng/kg, mức 52.000 đồng/kg vẫn còn nhưng áp dụng cho heo đẹp	
Giao dịch tại chợ đầu mối/lò mổ	<input type="checkbox"/> <u>Chợ Ngọc Lũ</u>	- Lượng heo về chợ: 2.000 con - Giá bán: giá hàng đầu 58-59.000 đồng/kg (▲ 2.000 đồng/kg) giá phổ biến 52.000 đồng/kg, hàng chân khó bán	
	<input type="checkbox"/> <u>Lò mổ khu vực Hà Nội</u>	- Lò Vạn Phúc: Heo mảnh: 68-70.000 đồng/kg Phụ phẩm: 30.000 đồng/kg	

A. THỊ TRƯỜNG HEO

Giá cả và giao dịch heo hơi nội địa

- **Tại miền Bắc Việt Nam**, do Hà Nội tiếp tục giãn cách xã hội theo chỉ thị 16 tới ngày 6/9, cộng thêm một số tỉnh thành siết chặt việc vận chuyển khiến tiêu thụ thịt heo chậm nên giá heo vẫn duy trì quanh 53-55.000 đồng/kg, mức trên 55.000 đồng/kg khó bán cho dù heo biểu to từ miền Nam ra Bắc có xu hướng giảm.

- Mặc dù giá heo bán nguyên trại **tại miền Nam** giảm còn quanh 50.000 đồng/kg nhưng do heo bán đi thành phố giảm mạnh về lượng nên các thương lái cũng không loại được nhiều heo to để bán ra Bắc. Do đó, giá heo biểu to lên xe tại miền Nam có xu hướng nhích lại mức 47-48.000 đồng/kg.

- **Lưu chuyển heo từ miền Trung ra Bắc:** Thương lái cho biết do heo Nam đóng ra Bắc giảm nên nhu cầu đóng heo từ Nam miền Trung ra Bắc có xu hướng tăng, với giá biểu to lên xe quanh 49-50.000 đồng/kg tuy nhiên lượng đóng thận trọng do lực mua tại miền Bắc vẫn chậm.

- Việc TPHCM và một số huyện của Bình Dương yêu cầu người dân ai ở đâu ở yên đó và hạn chế đi lại khiến giao dịch heo tại một số khu vực gần như đóng băng.

- Heo từ miền Tây khó bán, cộng với biểu heo to hơn nên hôm nay giá heo dân giảm còn phổ biến dưới 50.000 đồng/kg, mức 52.000 đồng/kg vẫn còn nhưng áp dụng cho heo đẹp.

Bảng 1. Bảng giá heo hơi tại thị trường nội địa (VND/kg)

	Khu vực	23/08/2021	20/08/2021	Tuần trước
Heo công ty	Đồng Nai	50,500-56,500	51,500-56,500	51,500-56,500
	Miền Trung	49,500-56,000	49,500-56,000	52,000-56,000
	Miền Bắc	54,000-57,000	55,000-58,000	53,000-58,000
	Miền Tây	57,000	57,000	57,000
Heo dân	<i>Miền Bắc</i>			
	Thái Bình	53,000-56,000	53,000-56,000	54,000-57,000
	Bắc Giang	54,000-56,000	54,000-56,000	54,000-56,000
	Hà Nội	53,000-55,000	53,000-55,000	54,000-56,000
	<i>Miền Trung</i>			
	Nghệ An	53,000-55,000	53,000-55,000	53,000-55,000
	Bình Định	50,000-56,000	49,000-54,000	49,000-53,000
	Đắk Lắk	52,000-55,000	52,000-55,000	52,000-55,000
	<i>Miền Nam</i>			
	Đồng Nai	47,000-53,000	47,000-53,000	47,000-54,000
	Tiền Giang	46,000-51,000	49,000-52,000	49,000-52,000
	Bến Tre	45,000-50,000	48,000-51,000	48,000-51,000

Bảng 2. Bảng giá heo giống tại thị trường nội địa

Khu vực	Loại heo	23/08/2021	20/08/2021
Miền Nam	Heo CP – loại 20kg (VND/kg)	115.000-125.000	115.000-125.000
	Heo CP – loại xách tai 6-7 kg	1.700.000-1.800.000	1.700.000-1.800.000
	Heo dân – loại xách tai 7-9 kg	1.400.000-1.700.000	1.500.000-1.800.000
Miền Bắc	Heo CP – loại 20kg (VND/kg)	130.000	130.000
	Heo dân – loại xách tai 6-7 kg	1.400.000-1.700.000	1.400.000-1.700.000
	Heo công ty - loại xách tai 6-7 kg	1.650.000-1.750.000	1.650.000-1.750.000

(Ghi chú: Heo CP – loại 20kg đvt là VND/kg, các loại còn lại là VND/con)

Bảng 3. Theo dõi tình hình dịch bệnh trên heo tại các vùng

Khu vực	Xu hướng dịch bệnh
Miền Bắc	- Dịch tả châu Phi giai đoạn này có chiều hướng êm hơn, nhưng một số vùng vẫn có trại bị Tai xanh.
Miền Trung	- Khu vực Nam miền Trung: Ở một số địa phương, dịch tả heo châu Phi vẫn lai rai nổ. Tình hình dịch bệnh tại khu vực Tây Nguyên đang có nhiều hơn.

Miền Nam	- Dịch tả heo châu Phi vẫn có lai rai tại một số khu vực ở cả miền Đông và miền Tây. Cùng với đó, bệnh Tai xanh vẫn đang bị ở nhiều trại khu vực miền Tây.
----------	--

Giao dịch tại các chợ đầu mối/lò mổ

- **Tại chợ Ngọc Lũ**, hôm nay lượng heo về chợ đạt quanh 2.000 con sau khi chợ rút sâu vào tuần trước. Lượng heo về chợ giảm nên giá heo đầu được đẩy lên mức 58-59.000 đồng/kg nhưng hàng chân khó bán với giá chỉ 41-42.000 đồng/kg, phổ biến 52.000 đồng/kg.

Bảng 4. Giá heo mảnh và phụ phẩm từ heo của các công ty/lò mổ (đồng/kg)

Phân loại		Khu vực	23/08/2021	20/08/2021
Heo mảnh	Công ty	CP - miền Bắc	70,500	70,500
		CP - miền Nam	69,500	69,500
		CJ - miền Nam	68,500	68,500
		Emivest - miền Nam	69,000	69,000
	Lò mổ	Vạn Phúc – Hà Nội	68,000-70,000	68,000-70,000
Phụ phẩm	Lò mổ	Vạn Phúc – Hà Nội	30.000	30.000
		Lộc An - TPHCM	23,000	23,000

B. THỊ TRƯỜNG BÒ

Bảng 5. Giá bò hơi và bò tuốt tại thị trường miền Bắc (đồng/kg)

Chủng loại	23/08/2021	20/08/2021
Bò cái già	75.000-78.000	75.000-78.000
Bò cái tơ	82.000-83.000	82.000-83.000
Bò thiến – loại nhập về bán luôn sau nửa tháng	88.000-91.000	88.000-91.000
Bò thiến – loại nuôi vỗ béo	83.000-86.000	83.000-86.000
Bò cừ – loại nhập về bán luôn sau nửa tháng	92.000-94.000	92.000-94.000
Bò nội – bò 3B	95.000-100.000	95.000-100.000
Bò tuốt – khu vực Hải Bối (Đông Anh) – bò Úc	210.000	210.000
Bò tuốt – công ty bán ra – bò Úc	212.000	212.000
Bò tuốt – bò ta	222.000	222.000

Bảng 6. Giá bò hơi và bò tuốt tại thị trường miền Nam (đồng/kg)

Chủng loại	23/08/2021	20/08/2021
Bò thiến – loại nhập về bán luôn sau nửa tháng	87.000	87.000
Bò thiến – loại nuôi vỗ béo	85.000	85.000
Bò cừ – loại nhập về bán luôn sau nửa tháng. tùy cân nặng	90.000-92.000	90.000-92.000
Bò tuốt Úc – chợ Phạm Văn Hai (TPHCM)	198.000-200.000	198.000-200.000

